

MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY HỌC TÁC PHẨM TỰ SỰ Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỪ GÓC NHÌN THỂ LOẠI

ThS. LÊ THỊ NGỌC ANH*

1. Thể loại tác phẩm văn học "là một hiện tượng loại hình của sáng tác và giao tiếp văn học, hình thành trên cơ sở sự lặp lại có quy luật của các yếu tố tác phẩm" (1; tr. 144). Nếu lịch sử văn học xem thể loại là nhân vật chính thì thể loại cũng được xem là một trong những tiêu chí quan trọng để biên soạn sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn trung học phổ thông (THPT) hiện nay. Chuẩn kiến thức kĩ năng môn *Ngữ văn ở THPT* cũng hướng đến mục tiêu dạy học (DH) nắm được các đặc trưng thể loại của văn bản và hình thành kĩ năng đọc văn theo đặc trưng thể loại. Đây trở thành một định hướng DH quan trọng, phù hợp với những cơ sở lí luận cũng như thực tiễn dạy học.

Qua khảo sát SGK Ngữ văn THPT, chúng tôi thấy rằng tác phẩm tự sự (TPTS) có một vị trí hết sức quan trọng. Xét về mặt số lượng, văn bản tự sự chiếm một tỉ lệ khá lớn. Xét về mặt nội dung, các văn bản tự sự rất phong phú về thể loại với các phương thức trần thuật khác nhau (tự sự dân gian, tự sự trung đại, tự sự hiện đại), đặc biệt là sự có mặt của các văn bản tự sự sau 1975, sau thời kì đổi mới với phương thức trần thuật hết sức phức tạp. Ngoài những văn bản tự sự thuộc văn học trong nước, SGK còn có những văn bản tự sự thuộc văn học nước ngoài. Sự phong phú, đa dạng cả về số lượng lẫn chất lượng của TPTS trong SGK Ngữ văn ở THPT tạo nên sức hấp dẫn cũng như độ khó khi DH. Đặc biệt, với mục tiêu DH hiện nay nhấn mạnh hình thành kĩ năng đọc văn cho học sinh (HS) thì việc tiếp nhận tác phẩm chú ý đặc trưng thể loại và bắt đầu từ đặc trưng thể loại là vấn đề đáng quan tâm.

2. Với vị trí và đặc trưng của mình, việc DH TPTS cũng hướng đến những mục tiêu riêng và đòi hỏi có những cách thức DH mang tính đặc thù. Quá trình tổ chức DH TPTS cần đảm bảo ở HS những yêu cầu cơ bản sau: - *Nắm được cốt truyện, phát hiện và lí giải được những chi tiết đặc sắc, tình huống truyện độc đáo, kết đọng thông điệp mà nhà văn muốn gửi gắm;* - *Nhớ chi tiết, sự kiện, tình huống truyện độc đáo, đọc thuộc những câu văn, đoạn văn hay, tập trung thể hiện phong cách nghệ thuật và ý đồ sáng tạo của nhà văn;* - *Tập trung khai thác tác phẩm từ những đặc*

trung thi pháp thể loại: điểm nhìn, ngôi trần thuật, giọng điệu, đặc điểm nhân vật,...; - *Phải biết xâu chuỗi các chi tiết, sự kiện, nhân vật,... trong chính thể thống nhất để phát hiện ý nghĩa nhân văn của tác phẩm;* - *Cung cấp tri thức đọc hiểu và hướng dẫn HS sử dụng nó để hình thành kĩ năng đọc văn.*

3. DH TPTS có thể phối hợp sử dụng nhiều biện pháp khác nhau trong hệ thống các phương pháp DH chung và riêng của môn *Ngữ văn*. Tuy nhiên, với những đặc trưng của loại hình tự sự, việc sử dụng những biện pháp đó đòi hỏi những lưu ý riêng, đồng thời cần biết lựa chọn những biện pháp đặc dụng để nâng cao hiệu quả DH.

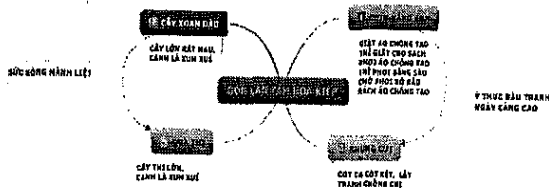
1) **Đọc sáng tạo.** Hoạt động đọc TPTS không thể triển khai giống DH tác phẩm trữ tình hay kịch, nghĩa là GV khó có thể và không cần thiết tổ chức đọc trọn vẹn tác phẩm ngay ở lớp để tiết kiệm thời gian. Tổ chức hoạt động đọc TPTS chủ yếu lựa chọn từng phần đặc sắc. Nhưng điều này không có nghĩa HS nắm sơ sai tác phẩm mà phải nắm chắc cốt truyện, tình tiết đặc sắc, thậm chí phải thuộc những câu văn, đoạn văn hay. Mục tiêu này đòi hỏi HS phải thực hiện nghiêm túc hoạt động đọc ở nhà, biết phát hiện và lựa chọn những điểm nhấn trong tác phẩm. GV và HS cần phải sử dụng những hình thức hỗ trợ giúp cho hoạt động đọc đạt kết quả cao như sơ đồ hoá cốt truyện, sơ đồ hóa các mối quan hệ trong tác phẩm, kể lại câu chuyện từ những điểm nhìn khác nhau, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động đọc như xem trích đoạn phim được chuyển thể từ tác phẩm, nghe nghệ sĩ đọc truyện hoặc GV ghi âm đọc những đoạn văn nổi bật và cho HS nghe mẫu...

2) **Lập bản đồ tư duy.** Bản đồ tư duy và kĩ thuật tạo ra loại bản đồ này được phát triển bởi Tony Buzan vào những năm 60. Đó là "công cụ tổ chức tư duy nền tảng" (2; tr.22). "Tất cả bản đồ tư duy đều giống nhau ở một số điểm. Chúng đều sử dụng màu sắc, có một cấu trúc cơ bản được mở rộng ra từ trung tâm, chúng

* Khoa Ngữ văn, Trường Đại học sư phạm - Đại học Huế

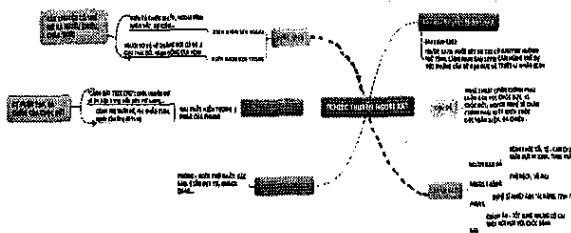
dùng các đường kẻ, các biểu tượng, từ ngữ và hình ảnh theo một bộ các quy tắc đơn giản, cơ bản, tự nhiên và dễ hiểu" (2; tr.24). Một số hình thức lập bản đồ tư duy trong DH TPTS phổ biến như sau:

- *Xác lập các mối quan hệ* trong nội bộ tác phẩm (quan hệ giữa các nhân vật, các nội dung, các sự kiện, chi tiết, môtip...); quan hệ liên tác phẩm theo đề tài, chủ đề nhất định, theo nhân vật... Lập bản đồ tư duy sẽ giúp người học nắm được kiến thức trong mối quan hệ giữa nhiều đối tượng để có thể phát hiện nét riêng, nét độc đáo của chúng. Chẳng hạn, bản đồ tư duy về sự biến đổi của nhân vật Tấm (truyện cổ tích "Tấm



Cám") qua bốn lần hóa kiếp:

- *Khái quát về tác phẩm, tác giả, nhân vật hoặc một nội dung trong bài học.* Việc lập bản đồ tư duy để khái quát về tác giả, tác phẩm hay một nội dung bài học giúp HS nắm được tổng quát hệ thống kiến thức một cách trực quan, sinh động, đầy đủ trong sự vận động, phát triển đa chiều; từ đó cũng mở ra nhiều khả năng hình thành cho HS năng lực tư duy và năng lực vận dụng kiến thức. Người học không những nắm được tác phẩm một cách sâu sắc, trọn vẹn mà còn có khả năng phát hiện những chiều sâu nghĩa mà việc ghi chép theo trật tự tuyến tính khó có thể mang lại. Đặc biệt, với TPTS, nhất là tự sự hiện đại có rất nhiều các yếu tố phức tạp, lập bản đồ tư duy sẽ giúp HS nắm được tác phẩm một cách dễ dàng hơn theo những đặc trưng thể loại. Chẳng hạn, bản đồ tư duy khái quát về



tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu)

3) Thuyết trình với sự hỗ trợ của CNTT: Là một phương pháp DH phổ biến, quen thuộc và nhiều khi bị "gán mác" kém tích cực, "rớt" kiến thức cho HS, nhưng có thể khẳng định DH không thể thiếu thuyết trình, đặc biệt đối với môn *Ngữ văn* cũng có thể xem là một trong những phương pháp đặc trưng. Vấn đề là

chúng ta sử dụng thuyết trình như thế nào, mức độ ra sao, phối kết hợp với những phương pháp gì... Với việc ứng dụng CNTT, thuyết trình trong DH nói chung và TPTS nói riêng lại có một thế mạnh riêng. Thuyết trình không chỉ là sự chuyển giao kiến thức một cách đơn giản bằng kênh lời mà CNTT cho phép phối hợp kênh hình và kênh chữ, ngôn ngữ và hình ảnh hết sức sinh động, cùng lúc GV có thể huy động, liên hệ, mở rộng nhiều phạm trù kiến thức khác nhau. Có thể sử dụng phương pháp này như sau:

- *Thuyết trình - giải thích:* Đây là hình thức thuyết trình đơn giản nhất, phối hợp nhịp nhàng với lập bản đồ tư duy trong DH TPTS; có thể do GV hoặc HS thực hiện; vẽ thủ công trên giấy hoặc lên bảng. Tuy nhiên, với máy tính và phần mềm chuyên dụng, công việc này diễn ra đơn giản, nhanh gọn và đặc biệt rất thuận tiện trong trình bày. Bản đồ tư duy có thể đồng hiện kiến thức cùng lúc hoặc cho xuất hiện dần từ ý chính đến ý phụ, ý lớn đến ý nhỏ... theo logic trình bày và logic nội dung nên HS rất dễ nắm bắt, lại thấy được mối quan hệ, tính cấp độ của các đơn vị kiến thức. Cũng với cách trình bày này, HS nhận thấy sự phát triển của kiến thức, của các lớp ý nghĩa; qua đó cũng có thêm kĩ năng tiếp nhận, giải mã tác phẩm.

Mục đích chủ yếu của phương pháp này là cung cấp, giải thích thông tin, làm cơ sở cho hoạt động tiếp nhận được sâu sắc và phong phú hoặc chứng minh, làm sáng rõ cho những nhận định khái quát về tác phẩm. Hình thức này cũng không có nghĩa là HS thụ động "hứng" thông tin mà người thuyết trình phải đa dạng hóa lời thuyết trình dưới những hình thức tích cực như *thuyết trình tích hợp, thuyết trình nêu vấn đề*... Qua đó, HS vừa lĩnh hội thông tin vừa phải tư duy để học cách xử lý và sử dụng thông tin.

Đặc biệt, bên cạnh phần trình chiếu thuyết trình của GV thì việc khuyến khích hoạt động học dưới dạng trình chiếu thuyết trình của HS cũng được coi là một hướng tích cực hóa biện pháp này. Người học phải tự tìm kiếm thông tin liên quan đến bài học để trình chiếu và thuyết trình giải thích trước lớp. Như vậy, bản thân HS không những có cơ hội lĩnh hội được một lượng kiến thức lớn mà còn kết hợp hình thành được nhiều kĩ năng khác như kĩ năng chọn lọc thông tin, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng sử dụng các phương tiện kĩ thuật công nghệ,... Đây cũng là một hình thức để phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cũng như rèn luyện các kĩ năng làm văn. Sử dụng biện pháp thuyết trình dạng này điều đặc biệt quan tâm là phải chọn lọc thông tin sao cho vừa ngắn gọn, vừa trọng tâm, sát hợp với nội dung bài học, phù hợp tâm lí lứa tuổi và đặc biệt là phải đặc dụng.

Sự phát triển và chi phối mạnh mẽ của CNTT đã tạo ra sự bùng nổ thông tin. Bản thân người dạy và người học đều có khả năng tiếp cận với rất nhiều nguồn thông tin khác nhau. Do đó, kĩ năng chọn lọc thông tin phục vụ tốt cho việc tiếp nhận bài học là một yêu cầu quan trọng trong DH hiện đại nói chung và khi sử dụng biện pháp thuyết trình nói riêng.

Ví dụ, với TPTS, GV và HS có thể sử dụng biện pháp thuyết trình để tìm hiểu, mở rộng kiến thức về tác giả (hoàn cảnh gia đình, quê hương, những dấu ấn đặc biệt trong cuộc đời... có ảnh hưởng đến sáng tác), về hiện thực khách quan làm đề tài cho tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, hoặc bổ sung những kiến thức văn học sử, lí luận văn học có liên quan đến tác phẩm đang học. Những hiểu biết này hết sức quan trọng nhưng sẽ mất nhiều thời gian và khó khăn nếu không có CNTT để hỗ trợ việc tìm kiếm cũng như trình bày.

- *Thuyết trình - phát vấn*: Với hình thức này, việc thuyết trình không còn là một biện pháp thụ động như lâu nay vẫn nghĩ. Phát vấn là một hoạt động tích cực, thường xuyên trong DH nói chung và DH văn nói riêng. Thuyết trình - phát vấn tức là nội dung trình chiếu làm cơ sở cho việc phát vấn, HS không chỉ nghe mà còn phải quan sát, tư duy và tìm ra câu trả lời. HS không chỉ xử lí kiến thức trong SGK, kiến thức của bài học cụ thể đang học mà phải vận dụng, xử lí nhiều kiến thức khác nhau được trình chiếu để giải quyết nhiệm vụ học tập đang đặt ra. Điều đáng lưu ý là, do những tư liệu được trình chiếu sẽ không thể xuất hiện cùng lúc nên GV cần nêu câu hỏi trước để định hướng sự chú ý của người học. Sau đó, nếu cần thiết, GV sẽ trình chiếu lại những nội dung trọng tâm, có tính chất định hướng, gợi mở cho HS giải quyết vấn đề. Đây vừa là thuận lợi, vừa là thách thức với người học nhưng sẽ làm tăng hiệu quả học tập.

GV có thể mở rộng, liên hệ với các văn bản khác cùng đề tài của cùng hoặc khác tác giả/ thời đại/ khuynh hướng để từ đó hướng dẫn HS so sánh, phát hiện những điểm độc đáo của tác phẩm. GV cũng có thể vừa cung cấp những kiến thức đọc hiểu cho HS vừa phát vấn để định hướng tiếp nhận; hoặc liên hệ với thực tế cuộc sống để yêu cầu HS nêu suy nghĩ của mình về giá trị tác phẩm, về nhân sinh.

4) Thảo luận nhóm. DH hiện đại đòi hỏi HS phải biết tư duy, đặc biệt là tư duy phê phán. Phân tích TPTS hiện đại cần chú ý đến sự dịch chuyển, sự kết hợp linh hoạt nhiều điểm nhìn trần thuật. Có khi, nhà văn trao quyền cho nhân vật, để nhân vật tự kể, tự nói về mình. Nội dung nghệ thuật không chỉ được truyền đạt duy nhất từ người kể chuyện mà còn bởi các nhân vật khác,

bằng cả những tiếng nói bên trong mang nhận thức, tình cảm của nhân vật. Đây chính là thách thức và cũng là tiềm năng phát triển năng lực đọc văn, năng lực tư duy và cảm thụ cho người học. GV cần hướng dẫn cho HS làm việc theo nhóm để phát hiện được các điểm nhìn trong tác phẩm, nhận xét, đánh giá, nêu lên cách lí giải của bản thân, đối thoại, phản biện ý kiến với bạn học, với người dạy để từ đó có thể cảm nhận tác phẩm một cách sâu sắc. HS cũng có thể thảo luận về tình huống truyện để thấy được tài năng dựng truyện của nhà văn và dụng ý được thể hiện qua tình huống đó. Ví dụ: HS thảo luận nhóm về sự lạ hóa trong tình huống nhật vợ (*Vợ nhặt* - Kim Lân) và ý nghĩa của nó; nhân vật người chồng (*Chiếc thuyền ngoài xa* - Nguyễn Minh Châu) qua điểm nhìn của cậu bé Phác, của người đàn bà hàng chài, của Phùng và chánh án Đẩu...

5) Đa dạng, tăng cường các dạng bài tập, trò chơi củng cố, luyện tập. Luyện tập, củng cố là một khâu quan trọng trong giờ học, đặc biệt với mục tiêu DH hướng tới hình thành kĩ năng như hiện nay. Do đó, tăng cường thời gian cũng như dung lượng các bài tập, câu hỏi luyện tập củng cố là một việc làm không thể thiếu hướng tới mục tiêu HS có thể nhớ bài học ngay tại lớp cũng như vận dụng những kiến thức đó để hình thành kĩ năng. Tuy nhiên, thực tế DH vốn hoạt động này chưa được chú ý. Nguyên nhân một phần từ nhận thức chủ quan của người dạy chưa thấm nhuần mục tiêu, nhiệm vụ DH mới; một phần từ thực tế thời gian tiết học giới hạn mà yêu cầu kiến thức lớn, đặc biệt khó khăn hơn trong giờ DH TPTS.

GV có thể nêu những câu hỏi ngắn kiểm tra kết quả nắm chi tiết, sự kiện của HS hoặc cho HS phát biểu cảm nhận của mình về những điểm sáng, những điểm yêu thích, ấn tượng trong tác phẩm.

Ngoài ra, GV cũng có thể ứng dụng CNTT để đơn giản hóa và đa dạng hóa hoạt động luyện tập, củng cố. GV dễ dàng thiết kế các dạng bài tập trắc nghiệm hay các bài tập, câu hỏi luyện tập củng cố dưới dạng học mà chơi như đuổi hình bắt chữ, giải ô chữ,... Do đó, hoạt động này sẽ diễn ra thuận lợi hơn mà không kém phần hấp dẫn, lí thú. HS sẽ nhớ được các chi tiết, sự kiện quan trọng, khắc sâu ấn tượng về nhân vật, về cá tính sáng tạo của nhà văn cũng như nắm được những giá trị, những cách tiếp nhận, đánh giá cơ bản về TPTS.

TPTS có một vị trí quan trọng trong chương trình, SGK Ngữ văn THPT và do đó cũng góp phần quan trọng trong việc hình thành năng lực văn cho HS. Với vị trí đó, thiết nghĩ việc tìm tòi, nghiên cứu những biện

(Xem tiếp trang 47)

giai đoạn nào của tiết học tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung của từng bài với nhiều cách thức khác nhau: có thể sử dụng câu đố kết hợp với phương pháp hỏi đáp. Cũng có thể sử dụng câu đố kết hợp với trò chơi học tập. Trò chơi sử dụng câu đố trong dạy học TN-XH ở tiểu học rất phong phú và đa dạng như giải ô chữ có gợi ý bằng các câu đố, lựa chọn câu đố và hình ảnh tương ứng...

Chẳng hạn, khi dạy bài "Con gà" (TN-XH 1), GV có thể sử dụng câu đố để giới thiệu bài học: "Con gì mào đỏ/ Lòng mượt như tơ/ Sang sớm tinh mơ/ Gọi người ta dậy? Là con gì?". Hoặc khi dạy bài "Gió" (TN-XH 1), có thể sử dụng: "Khi đem tươi mát cho đời/ Khi gieo tai họa bao người khiếp kinh/ Có tiếng mà chẳng có hình/ Chợt đi, chợt đến tính tình đổi thay. Là gì?". Hoặc khi dạy bài "Trái đất. Quả địa cầu" (TN-XH 3) GV có thể sử dụng câu đố: "Trái mà chẳng ở trên cành/ Đất đai rộng khắp mà thành ai ơi/ Cửa cái sinh mãi không thôi/ Chúng nuôi hết thủy mọi người sống chung. Là gì?"

3. Một số yêu cầu khi sử dụng thơ ca dân gian trong quá trình DH môn TN-XH

Để lựa chọn, sử dụng thơ ca dân gian vào quá trình dạy học môn TN-XH có hiệu quả, cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học: việc lựa chọn, sử dụng thơ ca dân gian phải phục vụ thiết thực cho bài dạy, thông qua các thể loại thơ ca dân gian để HS có thể lĩnh hội kiến thức của bài học hoặc củng cố, mở rộng kiến thức cho các em; - Phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của học sinh đầu cấp tiểu học: Các thể loại thơ ca dân gian không quá dài, số chữ, câu phải phù hợp với lứa tuổi và trình độ nhận thức của HS, từ ngữ trong các bài đồng dao, vè, câu đố, tục ngữ, ca dao phải gần gũi, dễ hiểu đối với các em; - Các bài đồng dao, vè, câu đố và ca dao, tục ngữ phải tạo được hứng thú cho HS, kích thích tính tích cực nhận thức, trí tò mò, lòng ham hiểu biết của các em; - Sử dụng thơ ca dân gian không chiếm nhiều thời gian của tiết học.

Tóm lại, thơ ca dân gian là một trong những thể loại văn học phù hợp với đặc điểm tâm lí của trẻ em và đặc điểm môn TN-XH ở tiểu học. Việc sử dụng thơ ca dân gian vào quá trình dạy học môn học này là hết sức cần thiết nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy học và góp phần hình thành nhân cách tốt đẹp cho HS. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bích Hà. Văn học dân gian Việt Nam - Tác phẩm dùng trong nhà trường. NXB Thanh Niên, H. 2006.

2. Nguyễn Hạnh (biên soạn). Câu đố, tục ngữ, ca dao Việt Nam. NXB Hồng Đức, 2012.

3. Bùi Phương Nga (Chủ biên). Tự nhiên và Xã hội 1, 2, 3. NXB Giáo dục, H. 2006.

4. Nguyễn Thị Thấn - Nguyễn Thị Hương - Đào Thị Hồng - Nguyễn Tuyết Nga. Giáo trình phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên - xã hội. NXB Đại học sư phạm, H. 2009.

SUMMARY

During the process of teaching and learning Natural and Social subjects in primary schools, the exploitation and use of folk poetry is really essential to create amenities of awareness for students, helping them acquire knowledge easily, naturally and effectively. This is consistent with the psychological characteristics of primary students and characteristics of the subject.

This article is about the meaning of folk poetry (folk song, rhyme, proverb, children's song, puzzle) and how to use them in teaching and learning process of Natural and Social subjects in primary schools.

Một số biện pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 50)

pháp, cách thức DH TPTS cho phù hợp và hiệu quả là cần thiết và thường xuyên. Những biện pháp đó được đề xuất dựa vào cơ sở lí luận cũng như thực tiễn DH và cần phải được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo bởi chính GV trực tiếp đứng lớp trên quan điểm phát huy vai trò chủ thể HS. □

(1) Trần Đình Sử (chủ biên). Giáo trình Lí luận văn học (tập 2). NXB Đại học sư phạm, H. 2008.

(2) Tony Buzan. Bản đồ tư duy. NXB Lao động - Xã hội, H. 2007.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi. Từ điển thuật ngữ văn học. NXB Giáo dục, H. 1992.

2. Đỗ Ngọc Thống. Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa ngữ văn trung học phổ thông. NXB Giáo dục, H. 2006.

SUMMARY

Narrative works have a key location in Literature program at high schools. Consequently, improving the efficiency of the teaching narrative works are always a matter of concern for researchers as well as teachers. Teaching narrative works which bases on holding the specifics of category is a appropriate and effective direction. The teaching methods such as: creative reading, presenting with using information technology, mapping thinking, cemina, diversify forms of exercise are proposed under this direction.